

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ BUÔN HỒ  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

*Bản án số: 09/2018/HNGĐ-ST*

*Ngày: 10/4/2018*

*V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BUÔN HỒ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Minh Chức.*

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Hồ Văn Hạnh;
2. bà Nguyễn Thị Quỳnh Hải.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Yên – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ tham gia phiên tòa:** Ông Hoàng Văn Toàn – Kiểm sát viên.

Ngày 10/04/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 163/2017/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Tuyết N; Trú tại: Tổ dân phố Đ, phường Đ, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk; Có mặt.

-Bị đơn: Anh Dương Văn L; Trú tại: Tổ dân phố Đ, phường Đ, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk; Có mặt.

-Người có quyền Lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Vợ chồng ông Dương Văn M, bà Lê Thị B; Cùng trú tại: Tổ dân phố 2, phường Đ, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk; Ông M có mặt, bà B vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Chị Dương Thị Ph; Trú tại: Số a đường Đ, Thành phố P, tỉnh G; Vắng mặt (Từ chối tham gia tố tụng).

3. Bà Bùi Thị T; Trú tại: Tổ dân phố Đ, phường Đ, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk; Có mặt.

4. Ngân hàng N; Địa chỉ: Số b L, quận B, Thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc Kh; Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Văn T; Chức vụ: Phó Giám đốc phụ trách điều hành, chi đạo Ngân hàng N, Chi nhánh B; Đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng: Ông Huỳnh Hữu Th; Chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng N, Chi nhánh B; Địa chỉ: Số c đường H, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk; Vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện cũng như tại phiên toà nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tuyết N trình bày:* Về quan hệ hôn nhân, chị N và anh L tự nguyện kết hôn với nhau vào ngày 25/11/2002 tại UBND xã Pong Đrang, huyện Krông Buk, tỉnh Đắk Lắk. Quá trình chung sống hạnh phúc một thời gian đến khoảng tháng 7/2015 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh L không lo làm ăn kinh tế, thường xuyên xúc phạm chị N. Vợ chồng thường cãi vã, bất đồng ý kiến nên đã sống ly thân từ tháng 9/2017 cho đến nay. Vì vậy nay chị N yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh L.

Về con chung, quá trình chung sống chị N và anh L có 04 con chung tên Dương Nguyễn Ánh Ng, sinh ngày 29/01/2003, Dương Thị Hương G, sinh ngày 04/11/2004, Dương Gia H, sinh ngày 20/12/2007, Dương Gia L1, sinh ngày 08/12/2011. Chị N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung Dương Thị Ánh Ng, Dương Thị Hương G và giao 02 con chung Dương Gia H, Dương Gia L1 cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào.

Về tài sản chung, khi khởi kiện chị N yêu cầu Tòa án phân chia thừa đất toạ lạc tại tổ dân phố 2, phường Đạt Hiếu, thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk; diện tích khoảng 1000m<sup>2</sup>, có tứ cận như sau: Phía Đông giáp suối, phía Tây và phía Nam giáp đất của anh H, chị N1, phía Bắc giáp đất anh Th1; thuộc một phần thửa đất số 27, tờ bản đồ số 71, diện tích 2954m<sup>2</sup>, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 747681 do UBND thị xã Buôn Hồ cấp ngày 23/5/2012, đứng tên vợ chồng ông Dương Văn M, bà Lê Thị B. Chị N và anh L đang canh tác, chăm sóc cây hồ tiêu trên đất từ năm 2016 cho đến nay.

Ngày 19/01/2018, chị N có đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về vấn đề tài sản chung: Chị N không yêu cầu Tòa án phân chia thừa đất trên; chị N yêu cầu vợ chồng ông M, bà B phải trả cho chị N số tiền 50.000.000đồng công sức đóng góp đối với diện tích đất trên, gồm công sức trồng trọt, canh tác, chăm sóc cây trồng trên đất; trước phiên toà vợ chồng ông M đã trả cho chị N số tiền này nên tại phiên toà chị N rút yêu cầu phân chia tài sản chung, không yêu cầu toà án giải quyết nữa.

Về công nợ chung, khi khởi kiện chị N yêu cầu giải quyết công nợ của chị Dương Thị Ph, số tiền 25.000.000đồng và nợ bà Bùi Thị T, số tiền 60.000.000đồng. Đến ngày 06/02/2018, chị N rút toàn bộ yêu cầu giải quyết về công nợ của chị Ph và bà T, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**- Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn anh Dương Văn L trình bày:** Anh L và chị N tự nguyện kết hôn với nhau vào ngày 25/11/2002 tại Ủy ban nhân dân xã Pong Đrang, huyện Krông Buk, tỉnh Đắk Lắk. Quá trình chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn và ngày càng kéo dài, trầm trọng nhất vào đầu tháng 9/2017. Nguyên nhân mâu thuẫn là do cuộc sống gia đình con cái còn nhỏ nên bản thân anh L không chăm sóc chu đáo; dẫn đến vợ chồng không hiểu nhau, thường xuyên cãi nhau, bất đồng ý kiến. Nay chị N yêu cầu ly hôn anh L mong được đoàn tụ với chị N, trong trường hợp chị N kiên quyết ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung, quá trình chung sống chị N và anh L có 04 con chung tên Dương Nguyễn Ánh Ng, sinh ngày 29/01/2003, Dương Thị Hương G, sinh ngày 04/11/2004, Dương Gia H, sinh ngày 20/12/2007, Dương Gia L1, sinh ngày 08/12/2011. Anh L có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung Dương Gia H, Dương Gia L1 và giao 02 con chung Dương Nguyễn Ánh Ng và Dương Thị Hương G cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành tròn 18 tuổi, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào.

Về tài sản chung, anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với yêu cầu của chị N yêu cầu ông M, bà B phải trả cho chị N số tiền 50.000.000đồng công sức đóng góp của chị N, vợ chồng ông M, bà B đã trả số tiền này cho chị N, anh L không có yêu cầu, ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

**- Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền L và nghĩa vụ liên quan, vợ chồng ông Dương Văn M, bà Lê Thị B trình bày:** Ông M, bà B là bố mẹ đẻ của anh L. Thừa đất số 27, tờ bản đồ số 71, diện tích 2954m<sup>2</sup>, tọa lạc tại tổ dân phố 2, phường Đạt Hiếu, thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 747681 do UBND thị xã Buôn Hồ cấp ngày 23/5/2012, đứng tên vợ chồng ông Dương Văn M, bà Lê Thị B. Vào ngày 23/6/2017 vợ chồng ông M, bà B đã thế chấp thửa đất trên để vay vốn tại Ngân hàng N, chi nhánh B, Bắc Đắk Lắk. Từ năm 2016 đến nay vợ chồng ông M, bà B tạo điều kiện cho vợ chồng anh Lợi, chị N canh tác cây trồng, đầu tư sản xuất trên một phần diện tích thửa đất trên, khoảng 1000m<sup>2</sup>. Nay chị N yêu cầu ly hôn với anh L và yêu cầu công sức đóng góp đối với diện tích đất trên, gồm công sức trồng trọt, canh tác, chăm sóc cây trồng trên đất với số tiền 50.000.000đồng, vợ chồng ông M, bà B đồng ý và đã trả số tiền này cho chị N, nên vợ chồng ông M không có ý kiến gì thêm.

**- Tại Bản tự khai, người có quyền L và nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị T trình bày:** Bà T là mẹ đẻ của chị N. Vào tháng 01/2016, bà T có cho vợ chồng anh Lợi, chị N vay 45.000.000đồng và 06 chỉ vàng 9999. Nay chị N yêu cầu ly hôn với anh L và có yêu cầu giải quyết công nợ chung với bà T; vì là con cái nên bà T không yêu cầu Tòa án giải

quyết về công nợ giữa bà T và vợ chồng anh L, chị N trong vụ án này. Khi nào có yêu cầu bà T sẽ khởi kiện thành một vụ án khác.

**- Tại đơn từ chối tham gia tố tụng, người có quyền L và nghĩa vụ liên quan, chị Dương Thị Ph trình bày:** Chị Ph không liên quan gì đối với vụ án. Hiện sức khoẻ của chị Ph không đảm bảo, không có thời gian và điều kiện đi lại tham gia vụ án nên chị Ph từ chối tham gia tố tụng, đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt chị Ph.

**- Tại Văn bản ngày 02/3/2018, người có quyền L và nghĩa vụ liên quan, Ngân hàng N trình bày:** Vợ chồng ông Dương Văn M, bà Lê Thị B có ký Hợp đồng tín dụng số 5208LAV201701900 và Phụ lục Hợp đồng tín dụng số 5208LAV-2017-01900/HĐTD ngày 04/7/2017 để vay số tiền 130.000.000đồng tại Ngân hàng. Để đảm bảo cho khoản vay, vợ chồng ông M, bà B thế chấp tài sản là các quyền sử dụng đất, trong đó có thửa đất số 27, tờ bản đồ số 71, diện tích 2954m<sup>2</sup>, tọa lạc tại tổ dân phố 2, phường Đạt Hiếu, thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 747681 do UBND thị xã Buôn Hồ cấp ngày 23/5/2012, đứng tên vợ chồng ông Dương Văn M, bà Lê Thị B. Đến ngày 19/01/2018 vợ chồng ông M, bà B đã thanh toán hết khoản vay tại Ngân hàng; hiện vợ chồng ông M, bà B không còn thế chấp thửa đất trên để vay vốn tại Ngân hàng N, Chi nhánh B, Bắc Đắk Lắk nên Ngân hàng không còn liên quan đến vụ án và không có ý kiến, yêu cầu gì đối với vụ án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ phát biểu ý kiến:**

Về nội dung vụ án, chị N và anh L tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn và đến tháng 9/2017 sống ly thân; xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể hòa giải được nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn cho chị N ly hôn với anh L và chấp nhận sự thoả thuận của các đương sự về con chung giao 02 con chung Dương Gia H, Dương Gia L1 cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng và giao 02 con chung Dương Nguyễn Ánh Ng và Dương Thị Hương G cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành tròn 18 tuổi, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào; về tài sản và công nợ chung, các bên không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra để xem xét giải quyết.

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa các bên vẫn giữ nguyên yêu cầu, ý kiến.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào lời trình bày của các bên đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về hôn nhân:** Chị N và anh L tự nguyện kết hôn với nhau vào ngày 25/11/2002 tại Ủy ban nhân dân xã Pong Đrang, huyện Krông Buk, tỉnh Đắk Lắk, trên cơ sở tự nguyện, có thời gian tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới theo phong tục. Quá trình chung sống hai bên sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn và ngày càng kéo dài, trầm trọng nhất vào năm 2017. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị N và anh L tính tình không hợp nhau, không tin tưởng nhau, bất đồng ý kiến, thường xuyên xảy ra cãi vã với nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 9/2017 cho đến nay. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, chị N và anh L đều xác định thời gian vợ chồng mâu thuẫn đã lâu nhưng vợ chồng không hàn gắn được; chị N kiên quyết yêu cầu ly hôn, anh L đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Xét yêu cầu ly hôn của chị N thì thấy rằng: Mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, không thể hoà giải được, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N, cho chị N ly hôn với anh L để tạo điều kiện cho mỗi người có một cuộc sống khác phù hợp hơn quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

**[2] Về con chung:** Quá trình chung sống, chị N và anh L có 04 con chung tên Dương Nguyễn Ánh Ng, sinh ngày 29/01/2003, Dương Thị Hương G, sinh ngày 04/11/2004, Dương Gia H, sinh ngày 20/12/2007, Dương Gia L1, sinh ngày 08/12/2011. Xét nguyện vọng và sự thoả thuận của các bên cần giao 02 con chung Dương Gia H, Dương Gia L1 cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng và giao 02 con chung Dương Nguyễn Ánh Ng và Dương Thị Hương G cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành tròn 18 tuổi; các bên không có yêu cầu nên không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung; các bên được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở; vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con chung là phù hợp với quy định tại các Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

### **[3] Về tài sản chung:**

Khi khởi kiện chị N yêu cầu Tòa án phân chia thừa đất tọa lạc tại tổ dân phố 2, phường Đạt Hiếu, thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk; sau khi đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ thừa đất có diện tích 810m<sup>2</sup> (39,5m x 20,5m), có tứ cận như sau: Phía Đông giáp suối, phía Tây giáp đường đi, phía Nam giáp đất của ông Võ Văn H, phía Bắc giáp phần đất còn lại của ông M, bà B; thuộc một phần thừa đất số 27, tờ bản đồ số 71, diện tích 2954m<sup>2</sup>, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 747681 do UBND thị xã Buôn

Hồ cấp ngày 23/5/2012, đứng tên vợ chồng ông Dương Văn M, bà Lê Thị B, trên đất có 177 trụ tiêu trồng năm 2014, có 27 trụ đã chết, trụ bằng bê tông. Chị N và anh L đang canh tác, chăm sóc cây hồ tiêu trên đất từ năm 2016 cho đến nay.

Vào ngày 23/6/2017 vợ chồng ông M, bà B đã thế chấp thửa đất trên vay vốn tại Ngân hàng N, Chi nhánh B, Bắc Đăk Lăk. Đến ngày 19/01/2018 vợ chồng ông M, bà B đã thanh toán toàn bộ số tiền vay cho Ngân hàng; hiện không còn thế chấp vay vốn tại Ngân hàng N, Chi nhánh B, Bắc Đăk Lăk nên Ngân hàng không có ý kiến, yêu cầu gì đối với thửa đất trên.

Ngày 19/01/2018, chị N có đơn không yêu cầu Tòa án phân chia thửa đất trên; chỉ yêu cầu vợ chồng ông M, bà B phải trả cho chị N số tiền 50.000.000đồng là công sức đóng góp đối với diện tích đất trên, gồm công sức trồng trọt, canh tác, chăm sóc cây trồng trên đất; vợ chồng ông M, bà B đồng ý trả số tiền này cho chị N và hai bên đã thực hiện xong, nên tại phiên toà chị N đã rút yêu cầu này đối với ông M, bà B. Anh L không có ý kiến, yêu cầu gì đối với tài sản chung và thửa đất trên cũng như về công sức đóng góp của chị N, đây là sự tự nguyện định đoạt của các bên phù hợp với quy định tại các Điều 59, Điều 61 Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 2 Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự.

**[4] Về công nợ chung:** Khi khởi kiện chị N yêu cầu giải quyết công nợ của chị Dương Thị Ph, số tiền 25.000.000đồng và bà Bùi Thị T, số tiền 60.000.000đồng. Đến ngày 06/02/2018, chị N rút toàn bộ yêu cầu giải quyết về công nợ của chị Ph và bà T, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đồng thời chị Ph trình bày không liên quan gì đến vụ án, không có ý kiến gì đối với yêu cầu của chị N về số nợ 25.000.000đồng, còn bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết về công nợ giữa bà T với vợ chồng anh L, chị N trong vụ án này, khi nào có yêu cầu bà T sẽ khởi kiện thành một vụ án khác. Xét ý kiến, nguyện vọng của các bên là hoàn toàn tự nguyện, các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết về công nợ chung nên không đặt ra để xem xét là phù hợp với quy định tại Điều 60 Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 2 Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự.

**[5] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ** là 800.000đồng, chị N tự nguyện chịu chi phí này (chị N đã nộp xong) là phù hợp với quy định tại các Điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự.

**[6] Về án phí:** Nguyên đơn chị N phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm, chị N rút yêu cầu phân chia tài sản chung, không yêu cầu giải quyết nên hoàn trả cho chị N tiền tạm ứng án phí đã nộp đối với yêu cầu chia tài sản chung theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/UBTVQH 12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 59, Điều 60, Điều 61, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Khoản 2 Điều 71, khoản 4 Điều 147, Điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Nghị quyết số 326/UBTVQH 12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tuyết N.

- Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Tuyết N được ly hôn với anh Dương Văn L.
- Về con chung: Công nhận thỏa thuận của các bên: Giao 02 con chung Dương Gia H (sinh ngày 20/12/2007), Dương Gia L1 (sinh ngày 08/12/2011) cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng và giao 02 con chung Dương Nguyễn Ánh Ng (sinh ngày 29/01/2003) và Dương Thị Hương G (sinh ngày 04/11/2004) cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành tròn 18 tuổi; các bên không có yêu cầu nên không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Các bên được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở; vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

- Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 800.000đồng, chị Nguyễn Thị Tuyết N tự nguyện chịu chi phí này (chị N đã nộp xong).

- Về tài sản chung và công nợ: Các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để xem xét giải quyết.

- Về án phí:

Chị Nguyễn Thị Tuyết N phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 2.175.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2016/003732 ngày 18/10/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Buôn Hồ; hoàn trả cho chị N 1.875.000đồng tiền chênh lệch.

Báo cho nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo những vấn đề có liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của mình trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo luật định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tx Buôn Hồ;
- Chi cục THADS tx Buôn Hồ;
- UBND phường Đạt Hiếu, tx Buôn Hồ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Vp.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ  
(ĐÃ KÝ)**

